TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Dung

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Xoa

Ông Nguyễn Xuân Tùng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/QĐ-HPT ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Trần Nguyên Thượng Q** - Sinh năm 1980. Địa chỉ: 180 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Phan Trần Nguyên Thượng Q:* Bà **Lê Thị Xuân P** – Luật sư thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 71 T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị Kim Y**- Sinh năm 1980. Địa chỉ: 180 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: Phòng 405 – A Hotel & Apartment số 61-63 đường N, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 09/01/2023 và tại phiên tòa hôm nay ông Phan Trần Nguyên Thượng Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trần Nguyên Thượng Q và bà Đặng Thị Kim Y đăng ký kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà Y thiếu sự quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau về tình cảm nên nghi ngờ, ghen tuông dẫn đến cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Ông Q và bà Y đã tự thỏa thuận và ký đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn ngày 15/8/2022 và tự thỏa thuận giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, bà Y tự ý sống ly thân sau khi vợ chồng phân chia tài sản từ khoảng tháng 9/2022 cho đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay, phần ai nấy sống không quan tâm nhau nên mục đích hôn nhân không còn. Tại phiên tòa ông Q xác định không còn tình cảm với bà Y, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Y.

- Về con chung: Ông Q và bà Y có một con chung là Phan Đặng Nguyên M - sinh ngày 01/7/2009. Ly hôn, ông Q có nguyện vọng được giao con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Q xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đặng Thị Kim Y vắng mặt tại phiên tòa. Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 08/7/2023 có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như ông Q đã trình bày là đúng. Bà Y thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, sau đó tự hòa giải nhưng cuối cùng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay bà Y và ông Q đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được. Ông Q có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà Y đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà Y xác định có một con chung là Phan Đặng Nguyên M - sinh ngày 01/7/2009. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn bà Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Y đồng ý với việc ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Y xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Y xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Trần Nguyên Thượng Q đối với bà Đặng Thị Kim Y.

- Về con chung: Giao con chung Phan Đặng Nguyên M - sinh ngày 01/7/2009 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Q và bà Y đều thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết nên VKS không đề cập đến.

- Về nợ chung: Ông Q và bà Y đều xác định không có nợ chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:Yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Trần Nguyên Thượng Q đối với bà Đặng Thị Kim Yl à tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đặng Thị Kim Yvắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Y.

[2] **Về nội dung tranh chấp:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trần Nguyên Thượng Q và bà Đặng Thị Kim Y đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Q thì thấy: Quá trình chung sống ông Q và bà Y đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 9/2022 đến nay ông Q và bà Y đã sống ly thân, ông Q và bà Y cũng đã tự thỏa thuận và ký vào đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng cần phải vun đắp từ hai phía mới đảm bảo cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng tình trạng hôn nhân giữa ông Q, bà Y mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Y cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông Q. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q theo quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của ông Q về việc giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng thì thấy: Bà Y đã thể hiện ý kiến muốn được nuôi con chung. Hiện nay bà Y đang trực tiếp nuôi và chăm sóc cháu Phan Đặng Nguyên M - sinh ngày 01/7/2009, cháu M cũng có nguyện vọng xin được sống chung với mẹ. Mặc khác, cháu M đang đau ốm cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nên cần tiếp tục giao con cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Xét việc ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà Y cũng đồng ý về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông Q mỗi tháng 5.000.000đ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Q và bà Y không có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên HĐXX không đề cập đến.

- Về nợ chung: Ông Q và bà Y xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con ông Phan Trần Nguyên Thượng Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trần Nguyên Thượng Q về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* đối với bị đơn bà Đặng Thị Kim Y.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Trần Nguyên Thượng Q được ly hôn với bà Đặng Thị Kim Y.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phan Đặng Nguyên M - sinh ngày 01/7/2009 cho bà Đặng Thị Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Phan Trần Nguyên Thượng Qtự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng y) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Q không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông Q còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không đề cấp đến.

4. Về nợ chung: Không đề cấp đến.

5. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng ông Phan Trần Nguyên Thượng Q phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0007091 ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Phan Trần Nguyên Thượng Qphải chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND Q Hải Châu*;
- *Cơ quan THADS Q. Hải Châu;*
- *UBND phường An Hải Bắc(Giấy CNKH số 114/quyển 01/2008 ngày 08/8/2008);*
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung